

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 1 năm 2025

Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
1. Bảng cân đối kế toán riêng	1-2
2. Bảng kết quả kinh doanh riêng	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4-5
4. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	6-28

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2025 VND	01/1/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229.710.161.082	181.703.840.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	1.161.961.448	2.123.348.100
1. Tiền	111		1.161.961.448	2.123.348.100
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.640.305.769	169.207.200.937
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	7.268.065.604	153.330.962.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	3.423.945.764	9.527.923.162
3. Các khoản phải thu khác	136	5.04	3.207.619.529	6.607.640.662
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(259.325.128)	(259.325.128)
IV. Hàng tồn kho	140	5.05	10.407.159.009	10.373.291.381
1. Hàng tồn kho	141		10.407.159.009	10.373.291.381
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		204.500.734.856	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		73.734.856	-
3. Thuế và các khoản phải thu NN	153	5.07	200.000.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		204.227.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.475.203.425.589	1.505.574.882.958
II. Tài sản cố định	220		66.878.231.935	55.708.295.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	29.610.817.646	26.342.467.158
- Nguyên giá	222		53.711.890.809	49.345.390.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.101.073.163)	(23.002.923.651)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	37.267.414.289	29.365.828.138
- Nguyên giá	228		59.564.895.987	50.177.624.939
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.297.481.698)	(20.811.796.801)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.691.865.469	30.414.773.956
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.691.865.469	30.414.773.956
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	1.387.624.424.429	1.419.438.458.076
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.254.740.000.000	1.284.140.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		153.300.000.000	153.300.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.415.575.571)	(18.001.541.924)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.903.756	13.355.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	8.903.756	13.355.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.704.913.586.671	1.687.278.723.376

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/03/2025 VND	01/1/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		128.400.540.679	123.482.868.408
I. Nợ ngắn hạn	310		128.400.540.679	123.482.868.408
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	5.333.338.042	1.149.011.676
2. Người mua trả tiền trước	312	5.12	771.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.07	345.249.185	1.457.746.533
4. Phải trả người lao động	314		870.399.739	593.880.249
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.08	20.497.000.686	19.725.864.123
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	75.958.457.200	75.931.270.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	24.625.095.827	24.625.095.827
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	1.576.513.045.992	1.563.795.854.968
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.576.513.045.992	1.563.795.854.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411a		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(395.300.000)	(395.300.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		265.851.845.992	253.134.654.968
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước			253.134.654.968	251.248.913.639
- LNST chưa PP kỳ này			12.717.191.024	1.885.741.329
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.704.913.586.671	1.687.278.723.376

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đào Văn Thắng

Lê Thị Việt Hà

Đặng Nhị Nương



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND	Lũy kế từ 01/01/2025 - 31/03/2025 VND	Lũy kế từ 01/01/2024 - 31/03/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	3.478.412.781	10.953.264.234	3.478.412.781	10.953.264.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.478.412.781	10.953.264.234	3.478.412.781	10.953.264.234
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	3.633.428.355	9.414.314.967	3.633.428.355	9.414.314.967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(155.015.574)	1.538.949.267	(155.015.574)	1.538.949.267
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	17.009.424.616	5.000.134.401	17.009.424.616	5.000.134.401
7. Chi phí tài chính	22	6.04	3.185.170.210	(224.776.482)	3.185.170.210	(224.776.482)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		771.136.563	1.168.906.041	771.136.563	1.168.906.041
8. Chi phí bán hàng	25		68.746.663	60.550.707	68.746.663	60.550.707
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	1.668.262.349	821.087.427	1.668.262.349	821.087.427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.932.229.820	5.882.222.016	11.932.229.820	5.882.222.016
11. Thu nhập khác	31	6.06	146.211.186	-	146.211.186	-
12. Chi phí khác	32	6.07	146.111.097	-	146.111.097	-
13. Lợi nhuận khác	40		100.089	-	100.089	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.932.329.909	5.882.222.016	11.932.329.909	5.882.222.016
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.08	(784.861.115)	-	(784.861.115)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.717.191.024	5.882.222.016	12.717.191.024	5.882.222.016

Người lập

Kế toán trưởng

Đào Văn Thắng

Lê Thị Việt Hà

Đặng Nhị Nương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ 01/1/2025 đến 31/03/2025	Lũy kế từ 01/1/2024 đến 31/03/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		11.932.329.909	5.882.222.016
2. Điều chỉnh cho các khoản		5.768.919.334	2.410.569.526
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.583.834.409	2.635.480.409
- Các khoản dự phòng	03	2.414.033.647	(1.393.682.523)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(85.285)	(134.401)
- Chi phí lãi vay	06	771.136.563	1.168.906.041
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.701.249.243	8.292.791.542
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	155.318.885.820	(6.575.337.124)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(33.867.628)	(15.884.716)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TN phải nộp)	11	4.905.671.315	(2.671.815.971)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	4.451.874	14.747.328
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(23.631.642)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	177.896.390.624	(979.130.583)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(4.030.862.561)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(174.827.000.000)	-
3. Thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	85.285	134.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(178.857.777.276)	134.401
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(155.368.358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(155.368.358)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(961.386.652)	(1.134.364.540)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ 01/1/2025 đến 31/03/2025	Lũy kế từ 01/1/2024 đến 31/03/2024
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.123.348.100	6.404.911.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.161.961.448	5.270.546.756

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Người lập



Đào Văn Thắng

Kế toán trưởng



Lê Thị Việt Hà

Tổng giám đốc



Đặng Nhị Nương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26/08/2002, thay đổi lần thứ 23 ngày 05/08/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

Vốn điều lệ: 1.311.056.500.000 VND.

Mã chứng khoán: AMV;

Số lượng cổ phiếu: 131.105.650 cổ phiếu;

Mệnh giá: 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm y tế

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế; Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế; Hoạt động y tế khác chưa phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2025, Công ty có các công ty con, liên kết như sau:

Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu trực tiếp				
1. Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	83,33	83,33	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, bán buôn máy móc, thiết bị y tế

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
2. Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99	99	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung
3. Công ty CP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto	Tổ 4 khu 4 TT Bãi Cháy TP Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam	98	98	Phòng khám đa khoa và chuyên khoa
4. Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98	98	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung
5. Công ty CP Phòng khám Hà Đông	Tầng 3 Số 1 Phúc Thịnh, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
6. Công ty CP Phòng khám Hòa Bình	Số 83 Đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
7. Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Số 307 đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
8. Công ty CP Phòng khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	18 BT5 Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai Thành phố Hà Nội, Việt Nam	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
9. Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Số 408 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
10. Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Số 16, Lầu 1, đường số 14, Khu vực 4, Phường I, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
11. Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Lầu 1 số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
12. Công ty CP Phòng khám Medicare Ngã Bảy	Số 222, Đường 30/4 Khu vực 5, Phường Lái Hiếu, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98	98	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
13. Công ty CP Leopard Solution	Số 34, Đường 79, Ấp Đình, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	75	75	Lập trình máy vi tính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu gián tiếp				
1. Công ty CP Phòng khám Medicare Tân Thới Hiệp	402 Tân Thới Hiệp 07, Khu Phố 7, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP Hồ Chí Minh	96,04	96,04	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
2. Công ty CP Phòng khám Medicare Nhà Bè	568 Lê Văn Lương Ấp 3, xã Phước Kiển. Huyện Nhà bè, TP Hồ Chí Minh	96,04	96,04	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
3. Công ty CP Famicare Vĩnh Yên	Tầng 2, số 79 đường Bà Triệu, phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	88,2	88,2	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Đầu tư vào công ty liên kết				
1. Công ty CP Phòng khám Medicare Hữu Nghị	Số 179 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội	49	49	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
2. Công ty CP Phòng khám Medicare Ninh Bình	Số nhà 128 đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	49	49	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
3. Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	Tầng 1, Lô BT 5, Số 17 KĐT mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
4. Công ty CP Famicare Pháp Vân	Tầng 1, Lô BT 5, Số 18 KĐT mới Pháp Vân, Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: Hoạt động phòng khám chuyên khoa ,...
5. Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Gò Vấp	Lầu 1, số 178 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, Quận Gò Vấp, Tp.HCM, Việt Nam	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
6. Công ty CP phòng khám Nghệ An	Số 22 đường Hồ Tông Thốc, xóm 15, xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
7. Công ty CP phòng khám Ba Đình	37A Dốc Phụ sản, đường Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
8. Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bạc Liêu	Tầng trệt Số 210, đường Bà Triệu, P3, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
9. Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	634 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
10. Công ty CP Famicare Tuyên Quang	Tầng 2, Số 23, Phố Hoa Lư, Tổ 01, Phường Phan Thiết, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
11. Công ty CP Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	Lầu 1, Số 9 Tô Hiến Thành, Phường 4, Thành Phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	49	49	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
12. Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	368A, ấp Phước Hoà, xã Phước Thạnh, Tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	35	35	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...
13. Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Giang	Tầng 1, Số 75, Đường Nguyễn Thái Học, Tổ 22, Phường Minh Khai, Thành Phố Hà Giang	49	49	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa ,nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm,...

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**
Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

1. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở riêng Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Quyết toán Cổ phần hóa

Tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số năm

Nhà

40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức phải trả

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Lầu 4 Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	1.101.896.121	290.950.121
- Tiền gửi ngân hàng	60.065.327	1.832.397.979
Cộng	1.161.961.448	2.123.348.100
02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ	-	45.502.587.900
Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou	-	18.302.003.421
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Phúc	-	7.364.884.500
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Hải Dương	-	7.159.494.700
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Ninh	-	7.128.594.700
Công ty cổ phần Famicare Vĩnh Long	-	7.075.694.700
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên	-	7.013.194.700
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Kiên Giang	-	6.767.870.200
Các đối tượng khác	7.268.065.604	47.016.637.420
Cộng	7.268.065.604	153.330.962.241
Trong đó trích lập dự phòng	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Bệnh viện Lao và Bệnh viện phổi Hậu Giang	(35.168.802)	(35.168.802)
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	(25.420.000)	(25.420.000)
Trung tâm y tế thị xã Giá Rai	(27.496.482)	(27.496.482)
Bệnh viện phổi trung ương	(171.239.844)	(171.239.844)
Cộng	(259.325.128)	(259.325.128)

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	2.631.618.753	3.769.563.726
Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ cao y tế Nha Trang	-	5.000.000.000
Các đối tượng khác	792.327.011	758.359.436
Cộng	3.423.945.764	9.527.923.162
04. Phải thu khác	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Tạm ứng	93.238.994	169.775.746
Ký quỹ, ký cược	1.119.380.535	937.864.916
Cổ tức công ty cổ phần sản xuất Phần mềm Quốc Gia VN	-	5.000.000.000
Các đối tượng khác	1.995.000.000	500.000.000
Cộng	3.207.619.529	6.607.640.662
05. Hàng tồn kho	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
- Hàng hóa	10.407.159.009	10.373.291.381
Cộng	10.407.159.009	10.373.291.381
06. Chi phí trả trước	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
a, Ngắn hạn	-	-
- Chi phí khác	-	-
b, Dài hạn	8.903.756	13.355.630
- Chi phí khác	8.903.756	13.355.630
Cộng	8.903.756	13.355.630
07. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
a, Phải thu	200.000.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.000.000	-
b, Phải nộp	345.249.185	1.457.746.533
- Thuế GTGT đầu ra	331.153.799	861.689.793
- Thuế thu nhập cá nhân	14.095.386	11.195.625
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	584.861.115

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/1/2025	49.345.390.809	49.345.390.809
- Tăng trong kỳ	4.718.700.000	4.718.700.000
- Thanh lý	352.200.000	352.200.000
Tại ngày 31/03/2025	53.711.890.809	53.711.890.809
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/1/2025	23.002.923.651	23.002.923.651
- Khấu hao trong kỳ	1.098.149.512	1.098.149.512
- Thanh lý	-	-
Tại ngày 31/03/2025	24.101.073.163	24.101.073.163
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/1/2025	26.342.467.158	26.342.467.158
Tại ngày 31/03/2025	29.610.817.646	29.610.817.646

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú, Quận
7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/1/2025	50.177.624.939	50.177.624.939
- Tăng trong kỳ	9.387.271.048	9.387.271.048
- Thanh lý	-	-
Tại ngày 31/03/2025	59.564.895.987	59.564.895.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/1/2025	20.811.796.801	20.811.796.801
- Khấu hao trong kỳ	1.485.684.897	1.485.684.897
- Thanh lý	-	-
Tại ngày 31/03/2025	22.297.481.698	22.297.481.698
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/1/2025	29.365.828.138	29.365.828.138
Tại ngày 31/03/2025	37.267.414.289	37.267.414.289

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Đầu tư vào công ty con	1.254.740.000.000	(19.194.828.077)	1.284.140.000.000	(17.355.115.305)
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	250.000.000.000	(18.823.162.674)	250.000.000.000	(17.154.406.526)
- Công ty CP Công nghệ Hạ Long Kyoto	108.900.000.000	(311.612.756)	108.900.000.000	(200.708.779)
- Công ty CP phòng khám Bãi Cháy Kyoto	49.000.000.000	(60.052.647)	49.000.000.000	-
- Công ty CP NC AD CNM Sông Hậu	147.000.000.000	-	147.000.000.000	-
- Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	-	-	29.400.000.000	-
- Công ty CP Phòng Khám Hà Đông	77.420.000.000	-	77.420.000.000	-
- Công ty CP Phòng Khám Hòa Bình	122.500.000.000	-	122.500.000.000	-
- Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	106.820.000.000	-	106.820.000.000	-
- Công ty CP Phòng Khám Gia Lâm	77.420.000.000	-	77.420.000.000	-
- Công ty CP PK MEDICARE Cần Thơ	77.420.000.000	-	77.420.000.000	-
- Công ty CP PK MEDICARE Hậu Giang	77.420.000.000	-	77.420.000.000	-
- Công ty CP PK MEDICARE Sóc Trăng	77.420.000.000	-	77.420.000.000	-
- Công ty CP PK MEDICARE Ngã Bảy	77.420.000.000	-	77.420.000.000	-
- Công ty CP LEOPARD SOLUTIONS	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	153.300.000.000	(1.220.747.494)	153.300.000.000	(646.426.619)
- Công ty CP Phòng khám Medicare Hữu Nghị	14.700.000.000	(121.989.672)	14.700.000.000	(116.686.997)
- Công ty CP Phòng khám Medicare Ninh Bình'	14.700.000.000	(96.220.895)	14.700.000.000	(66.206.661)
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vũng Tàu	14.700.000.000	(125.838.381)	14.700.000.000	(23.470.380)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</i>				
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Giang	14.700.000.000	(21.699.969)	14.700.000.000	(3.748.697)
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	10.500.000.000	(54.631.560)	10.500.000.000	(31.339.259)
- Công ty CP Famicare Pháp Vân	10.500.000.000	(41.407.017)	10.500.000.000	(19.927.589)
- Công ty CP Famicare Tuyên Quang	10.500.000.000	(23.858.401)	10.500.000.000	(21.370.127)
- Công ty CP Phòng khám Nghệ An	10.500.000.000	(49.681.082)	10.500.000.000	(35.878.195)
- Công ty CP Phòng khám Ba Đình	10.500.000.000	(513.632.152)	10.500.000.000	(230.055.034)
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bạc Liêu	10.500.000.000	(54.048.604)	10.500.000.000	(33.757.173)
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	10.500.000.000	(29.299.203)	10.500.000.000	(22.457.100)
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	10.500.000.000	(39.465.465)	10.500.000.000	(12.406.286)
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Gò Vấp	10.500.000.000	(48.975.094)	10.500.000.000	(29.123.121)
Tổng	1.408.040.000.000	(20.415.575.571)	1.437.440.000.000	(18.001.541.924)

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
11. Phải trả người bán		
Công ty TNHH Thiết Bị Duy Minh	650.444.922	650.444.922
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	4.231.500.000	-
Các đối tượng khác	451.393.120	498.566.754
Cộng	5.333.338.042	1.149.011.676
12. Người mua trả tiền trước		
Công ty cổ phần Famicare Kiên Giang	771.000.000	-
Cộng	771.000.000	-
13. Phải trả khác		
Bảo hiểm xã hội	21.240.000	
Bảo hiểm y tế	3.823.200	
Bảo hiểm thất nghiệp	1.699.200	
Phải trả cổ tức	75.931.270.000	75.931.270.000
Phải trả khác	424.800	
Cộng	75.958.457.200	75.931.270.000
14. Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Bản Việt	24.625.095.827	24.625.095.827
Cộng	24.625.095.827	24.625.095.827

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái Phường Tân Phú, Quận 7, Thành

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

18. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/1/2025	1.311.056.500.000	(395.300.000)	253.134.654.968	1.563.795.854.968
Tăng trong kỳ	-		12.717.191.024	12.717.191.024
- Lãi trong kỳ	-		12.717.191.024	12.717.191.024
Giảm trong kỳ	-		-	-
- Lỗ trong kỳ	-		-	-
- Phân phối lợi nhuận	-		-	-
Số dư 31/03/2025	1.311.056.500.000	(395.300.000)	265.851.845.992	1.576.513.045.992

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.478.412.781	10.953.264.234
Cộng	3.478.412.781	10.953.264.234
02. Giá vốn hàng bán	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.633.428.355	9.414.314.967
Cộng	3.633.428.355	9.414.314.967
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.285	134.401
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.009.339.331	5.000.000.000
Cộng	17.009.424.616	5.000.134.401
04. Chi phí tài chính	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Lãi tiền vay	771.136.563	1.168.906.041
- Dự phòng các khoản đầu tư	2.414.033.647	(1.393.682.523)
Cộng	3.185.170.210	(224.776.482)
05. Chi phí bán hàng	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Chi phí nhân viên	66.666.663	43.333.332
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.080.000	17.217.375
Tổng	68.746.663	60.550.707

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.339.709.788	555.833.803
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.498.107	1.498.107
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	6.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.096.034	247.460.063
- Chi phí khác	23.958.420	10.295.454
Tổng	1.668.262.349	821.087.427

05. Thu nhập khác

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Các khoản khác	146.211.186	-
Cộng	146.211.186	-

06. Chi phí khác

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Các khoản khác	146.111.097	-
Cộng	146.111.097	-

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.932.329.909	5.882.222.016
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	(784.861.115)	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Công ty con
- Công ty CP Công nghệ Hạ Long Kyoto	Công ty con
- Công ty CP phòng khám Bã Cháy Kyoto	Công ty con
- Công ty CP NC AD CNM Sông Hậu	Công ty con
- Công ty CP Phòng Khám Hà Đông	Công ty con
- Công ty CP Phòng Khám Hòa Bình	Công ty con
- Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	Công ty con
- Công ty CP Phòng Khám Gia Lâm	Công ty con
- Công ty CP PK MEDICARE Cần Thơ	Công ty con
- Công ty CP PK MEDICARE Hậu Giang	Công ty con
- Công ty CP PK MEDICARE Sóc Trăng	Công ty con
- Công ty CP PK MEDICARE Ngã Bảy	Công ty con
- Công ty CP LEOPARD SOLUTIONS	Công ty con

2. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Quý 1/2025 VND
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	Mua HHDV	4.030.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Đặng Nhị Nương	Lương	60.500.000
------------------	-------	------------

3. Số dư với các bên liên quan

Khoản mục	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
-----------	-------------------	-------------------

a. Phải thu ngắn hạn khách hàng

Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	-	2.835.000.000
-------------------------------------	---	---------------

b. Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	4.231.500.000	-
---	---------------	---

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính riêng Quý 1/2024 và Quý 4/2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Đào Văn Thắng

Lê Thị Việt Hà

Đặng Nhị Nương

